

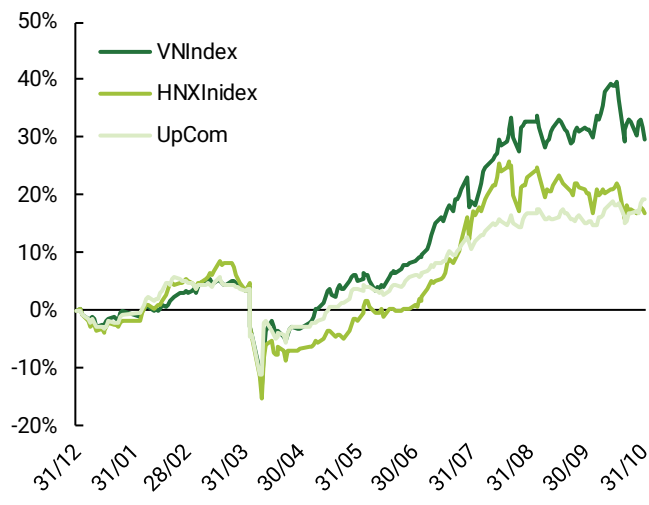
VN-Index **1639.65 (-1.79%)**
884 Tr. cổ phiếu 27775.6 Tỷ VND (15.98%)

HNX-Index **265.85 (-0.42%)**
83 Tr. cổ phiếu 1830.0 Tỷ VND (-0.63%)

UPCOM-Index **113.46 (0.04%)**
59 Tr. cổ phiếu 597.8 Tỷ VND (-31.90%)

VN30F1M **1892.00 (-1.82%)**
344,533 HD OI: 38,844 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1639.7, giảm 29.9 điểm (-1.79%). Thanh khoản tăng nhẹ với độ rộng nghiêng về bên Bán. Áp lực điều chỉnh cũng chi phối ở VN30, HNXIndex.
- Điểm nhấn trong phiên:** Nhóm Vingroup, Ngân hàng tiếp tục tạo sức ép lên chỉ số, kéo dài đà điều chỉnh của thị trường. Tuy nhiên, dòng tiền vẫn hoạt động tích cực tại nhóm MidCap, với điểm sáng đến từ các ngành như Dầu khí, Cao su và Dệt may. Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Thực phẩm và đồ uống: VHC (+2.4%), VNM (+0.9%) | Tiện ích: GAS (+3.2%), REE (+1.4%) | Xây dựng và Vật liệu: CTD (+3.5%), PC1 (+0.9%) | Hóa chất: TRC (+5.4%), HII (+6.9%) | Công nghệ: CMG (+1.5%), FPT (+1.2%). Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu trong phiên: Bất động sản: VIC (-6.4%), DXS (-5.4%), VHM (-4.6%) | Ngân hàng: OCB (-4.9%), HDB (-4.2%), TPB (-2.9%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GEX (-7.0%), VSC (-5.5%), GMD (-3.4%) | Dịch vụ tài chính: VIX (-4.4%), ORS (-4.3%)

Tác động chỉ số: Chiều tăng | GAS, GVR, ACB, FPT, VNM - Chiều giảm | VIC, VHM, VCB, HDB, VJC

Khối ngoại Bán ròng hơn 440 tỷ, tập trung nhiều ở VIC, VHM, CTG, MBB, trong khi mua ròng VIX, MWG, KDH, FPT.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- VN-Index** kết phiên với nền đỏ, bị kéo giảm bởi nhóm trụ lớn. Diễn biến cho thấy dòng tiền đang có xu hướng luân chuyển từ nhóm trụ cột (đã được định giá cao) sang các nhóm ngành nền giá thấp, với mức chiết khấu hấp dẫn hơn. Hiện chỉ số đã hạ nhiệt về lại khu vực hỗ trợ cận biên dưới trong khung dao động 1620 - 1690. Thanh khoản duy trì mức thấp hàm ý cung bán chưa quá tiêu cực, nên lực cầu bắt đáy có thể tiếp tục nâng đỡ tại đây. Ở kịch bản thận trọng, nếu mốc 1.600 điểm bị phá vỡ, chỉ số khả năng hạ nhiệt về vùng 1.540-1.550 điểm.
- Đối với HNX-Index**, chỉ số tiếp tục bị chi phối bởi lực cung với mẫu hình nền Shooting Star. Vận động khả năng vẫn củng cố trong vùng 264 - 268. Mục tiêu kháng cự cao hơn là ngưỡng 280 trong khi hỗ trợ gần là mốc 260.
- Chiến lược chung:** Dòng tiền cải thiện ở nhóm MidCap sẽ mang lại một số cơ hội giao dịch tốt dù thị trường tiếp tục đi ngang. NĐT có thể chú ý các cổ phiếu đã công bố KQKD vẫn duy trì được tăng trưởng, cùng với tín hiệu thoát khỏi pha điều chỉnh sẽ là cơ sở cho điểm giải ngân tiềm năng. Chiều mua được cân nhắc với tỷ trọng vừa phải, nhằm phòng ngừa rủi ro nếu VN-Index có dấu hiệu phá vỡ mốc 1600. Các ngành nổi bật: Xuất khẩu, Bán lẻ, Tiện ích.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Chốt lời TRC (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng			01 phiên trước	Trung bình 01 tuần		Trung bình 01 tháng		
Theo chỉ số																
VN-Index	1,639.7 ▼	-1.8%	-2.6%	-1.5%	27,775.6 ▲	16.0%	-7.2%	29.0%	883.8 ▲	5.4%	-7.4%	22.3%				
HNX-Index	265.9 ▼	-0.4%	-0.5%	-2.7%	1,830.0 ▼	-0.6%	-29.3%	24.4%	82.7 ▲	1.3%	-29.1%	19.6%				
UPCOM-Index	113.5 ▬	0.0%	2.3%	3.3%	597.8 ▼	-31.9%	-24.2%	72.4%	58.8 ▲	45.1%	4.7%	176.8%				
VN30	1,885.4 ▼	-2.1%	-3.0%	0.8%	14,224.8 ▲	21.9%	-17.6%	32.3%	323.5 ▲	6.4%	-28.2%	15.8%				
VNMID	2,346.3 ▼	-1.4%	-0.7%	-5.3%	11,061.6 ▲	10.1%	6.7%	22.0%	380.6 ▲	10.0%	3.8%	12.8%				
VNSML	1,540.7 ▼	-0.3%	2.0%	-3.1%	1,835.7 ▲	16.5%	36.4%	40.7%	110.5 ▲	2.3%	21.2%	35.1%				
Theo ngành (VNIndex)																
Ngân hàng	630.5 ▼	-1.6%	-0.23%	-2.5%	5,483.5 ▼	-2.0%	-23.8%	-40.2%	209.6 ▼	-8.5%	-27.8%	-39.6%				
Bất động sản	605.2 ▼	-4.6%	-4.7%	8.7%	5,080.5 ▲	15.9%	-3.6%	-25.5%	156.1 ▼	-4.0%	-12.9%	-29.2%				
Dịch vụ tài chính	327.6 ▼	-1.2%	-3.7%	-8.9%	4,108.3 ▼	-1.8%	-16.0%	-21.8%	144.8 ▼	-0.8%	-12.2%	-14.4%				
Công nghiệp	272.0 ▼	-2.3%	-1.3%	8.3%	3,017.8 ▲	41.6%	40.7%	38.8%	69.6 ▲	62.5%	43.8%	52.5%				
Tài nguyên cơ bản	529.6 ▼	-0.6%	1.5%	-4.4%	790.0 ▼	-12.7%	-25.9%	-56.1%	35.7 ▼	-12.6%	-22.6%	-51.5%				
Xây dựng - Vật Liệu	194.0 ▼	-0.3%	1.4%	-0.6%	1,549.8 ▲	17.9%	10.5%	-16.7%	61.2 ▲	14.5%	12.3%	-17.0%				
Thực phẩm	546.8 ▬	0.4%	1.6%	0.1%	1,523.3 ▲	9.7%	2.5%	-33.1%	43.0 ▲	3.6%	7.4%	-17.3%				
Bán Lẻ	1,512.1 ▼	-1.3%	-0.7%	8.5%	1,157.0 ▲	58.5%	30.7%	14.8%	14.3 ▲	58.5%	20.1%	4.2%				
Công nghệ	549.7 ▲	1.1%	8.0%	9.8%	1,864.8 ▲	72.1%	20.1%	56.4%	20.2 ▲	58.8%	16.3%	37.3%				
Hóa chất	172.7 ▲	1.7%	6.4%	1.2%	900.6 ▲	79.2%	80.5%	78.2%	25.0 ▲	55.9%	65.6%	56.8%				
Tiện ích	658.7 ▲	1.5%	1.7%	-0.7%	367.1 ▲	103.8%	45.8%	19.6%	16.4 ▲	83.9%	37.0%	17.5%				
Dầu khí	74.9 ▬	0.7%	-1.3%	1.3%	561.1 ▲	98.0%	87.1%	47.5%	24.6 ▲	60.1%	90.5%	65.3%				
Dược phẩm	432.2 ▲	1.3%	-0.3%	-0.7%	141.1 ▲	366.9%	263.3%	148.6%	5.3 ▲	214.3%	194.3%	103.9%				
Bảo hiểm	85.5 ▬	0.0%	2.6%	-7.0%	63.2 ▲	134.0%	104.5%	90.8%	2.0 ▲	83.8%	64.1%	76.5%				

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,639.7 ▼	-1.8%	29.4%	16.1x	2.1x
SET-Index	Thái Lan	1,310 ▼	-0.4%	-6.5%	16.8x	1.3x
JCI-Index	Indonesia	8,164 ▼	-0.2%	15.3%	20.1x	2.2x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,023 ▼	-0.2%	-4.5%	16.1x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	5,930	-	-9.2%	10.1x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,955 ▼	-0.8%	18.0%	19.0x	0.0x
Hang Seng	Hồng Kông	25,907 ▼	-1.4%	29.1%	12.9x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	52,411 ▲	2.1%	31.4%	22.9x	2.7x
S&P 500	Mỹ	6,822 ▼	-0.99%	16.0%	28.4x	5.6x
Dow Jones	Mỹ	47,522 ▼	-0.2%	11.7%	23.6x	5.0x
FTSE 100	Anh	9,705 ▼	-0.6%	18.7%	14.8x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,680 ▼	-0.3%	16.0%	17.5x	2.4x
DX/USD		100	0.34%	-8.2%		
USD/VND		26,313 ▼	-0.07%	3.2%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

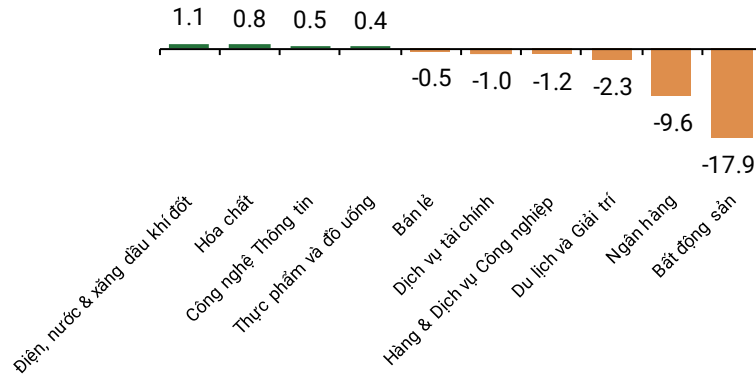
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-0.3%	-3.3%	-13.2%	-11.4%
Dầu WTI	▼	-0.3%	-3.3%	-15.9%	-12.9%
Khí gas	▲	20.7%	23.4%	12.2%	50.5%
Than cốc (*)	—	0.0%	7.2%	-7.5%	-17.7%
Thép HRC (*)	—	0.1%	-1.1%	-3.6%	-6.5%
PVC (*)	—	0.0%	-2.7%	-7.9%	-13.3%
Phân Urea (*)	—	0.0%	-3.6%	7.1%	7.2%
Cao su thiên nhiên	▼	-3.3%	0.3%	-13.6%	-13.6%
Bông Cotton	▼	-1.8%	2.3%	-5.3%	-6.9%
Đường	▼	-1.1%	-11.4%	-26.0%	-37.3%
World Container Index	▲	4.3%	3.4%	-52.1%	-43.3%
Baltic Dirty tanker Index	▲	13.9%	26.8%	54.3%	48.0%
Vàng	▲	1.9%	3.8%	52.6%	46.0%
Bạc	▲	2.9%	4.9%	69.3%	49.8%

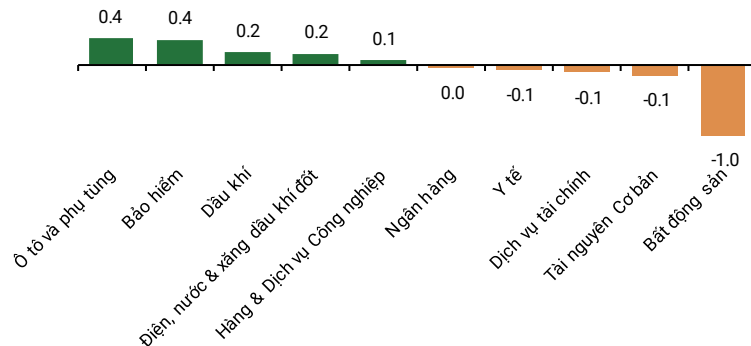
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

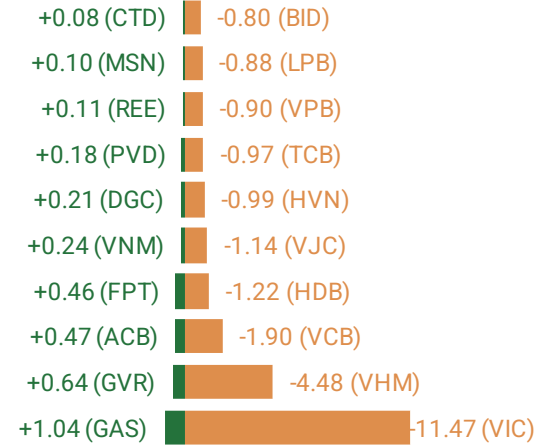
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



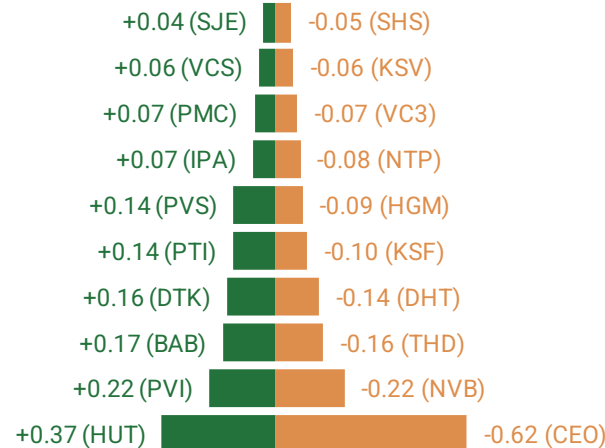
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

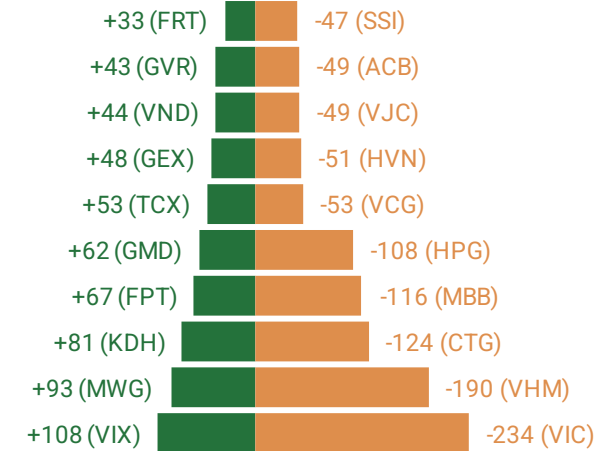


TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

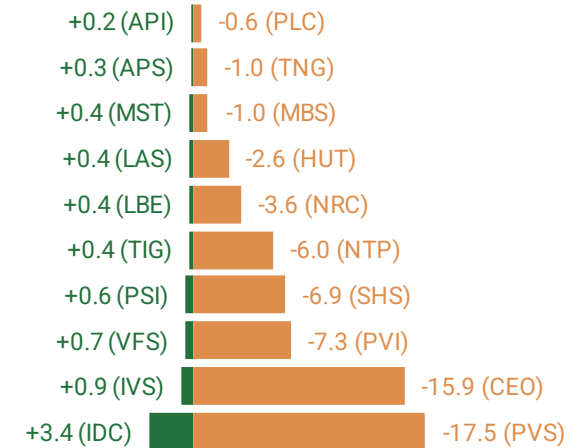


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	FPT	VIC	VIX	GEX	SSI
%DoD	1.2%	-6.4%	-4.4%	-7.0%	-1.6%
Giá trị	1,529	1,453	1,374	1,255	929

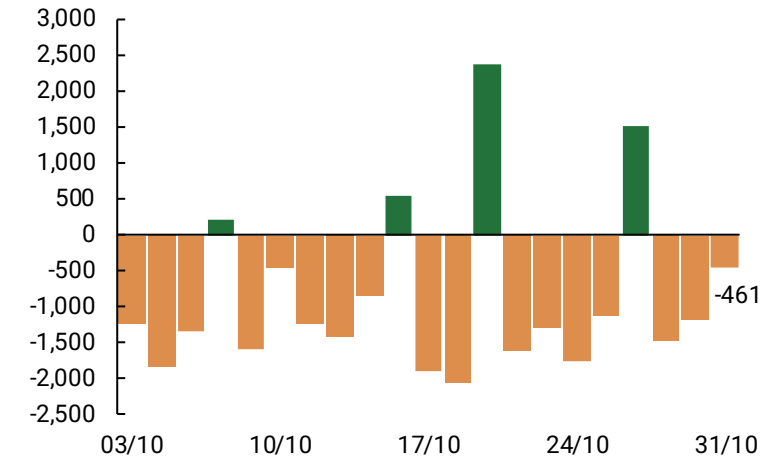
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	MWG	GEX	FPT	VIX	STB
%DoD	-1.5%	-7.0%	1.2%	-4.4%	-2.5%
Giá trị	462	389	260	214	199

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



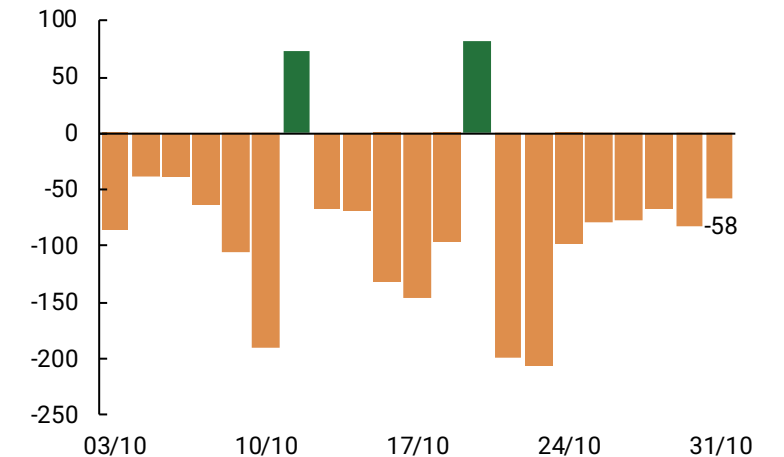
	CEO	SHS	PVS	HUT	IDC
%DoD	-7.0%	-0.4%	1.5%	3.6%	0.3%
Giá trị	513	359	287	93	92

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	NAG	PVC	PVS	HOM	TNG
%DoD	0.0%	3.9%	1.5%	2.0%	1.0%
Giá trị	3	1	0	0	0

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến giảm có bóng nến phía dưới, vol thấp hơn bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1600 – 1620.
- ✓ Kháng cự: 1690 – 1710.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI cải thiện chưa rõ ràng.
- ✓ Xu hướng: Kiểm định vùng 1600 - 1700.

Kịch bản: Chỉ số tiếp tục hạ nhiệt, nối dài đà điều chỉnh. Dù vậy, thanh khoản thấp hàm ý cung bán chưa quá tiêu cực. VN-Index nhìn chung vẫn dao động trong khung 1620 – 1690 nên có thể nhận được lực đỡ tại khu vực biên dưới 1620. Đà tăng kỳ vọng trở lại khi chỉ số bứt phá và duy trì được trên ngưỡng 1710 điểm. Ngược lại, nếu chỉ số phá vỡ dưới mốc 1600 sẽ có rủi ro tiếp tục giảm về vùng 1540 -1550 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến giảm có bóng nến phía dưới, vol thấp hơn bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1850 - 1900.
- ✓ Kháng cự: 1950 - 1960.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI cải thiện chưa rõ ràng.
- ✓ Xu hướng: Kiểm định vùng 1850 - 1950.

➔ Đà giảm tiếp tục chi phối đẩy chỉ số về lại khu vực hỗ trợ 1850 – 1900 điểm. Dù vậy, thanh khoản duy trì mức thấp dưới bình quân 20 phiên cho thấy cung bán chưa quá tiêu cực. Bên cạnh đó, chỉ số đóng cửa có bóng nến phía dưới hàm ý lực cầu vẫn tham gia tốt trong khu vực hỗ trợ. Trạng thái giằng co có lẽ vẫn tiếp diễn.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio	
Ticker	TRC	TAKE PROFIT	Current price	78	P/E (x)	7.6
Exchange	HOSE		Action price	71.0	P/B (x)	1.1
Sector	Commodity Chemicals		Take profit price (3/11)	78	EPS	10244.4
				9.9%	ROE	15.9%
				9.9%	Stock Rating	A
					Scale Market Cap	Medium



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

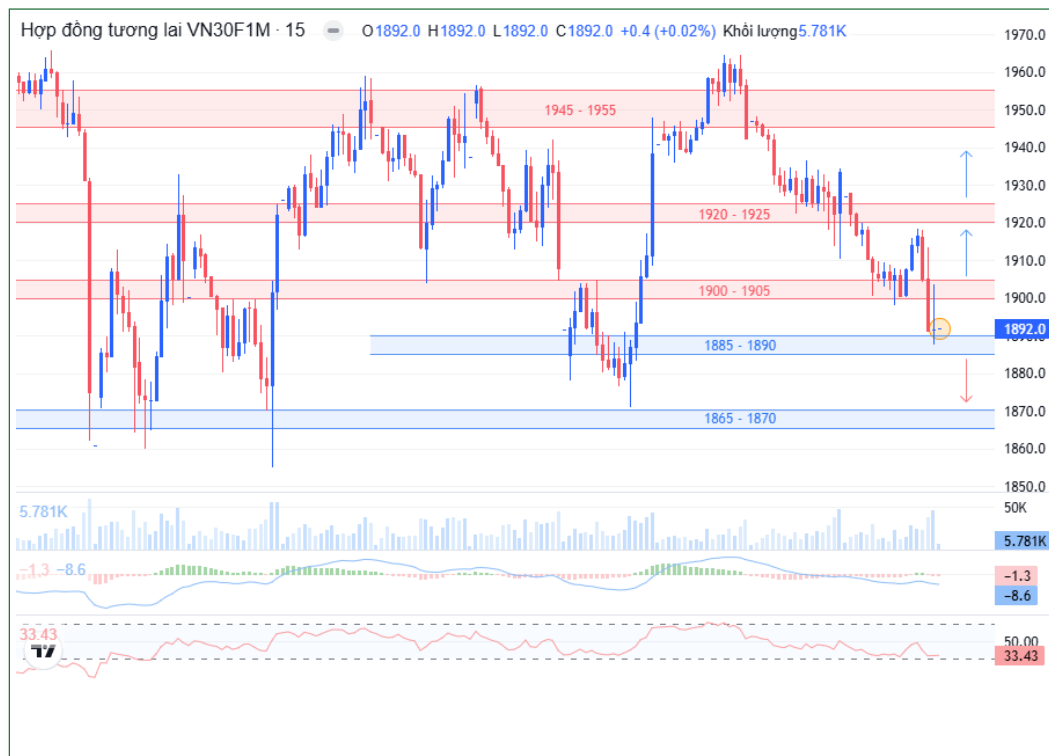
- Giá tiếp cận vùng mục tiêu 78 - 80. Mẫu hình nến đóng cửa có bóng nến phía trên hàm ý lực cung chi phối tại cản.
 - Giá bứt phá mạnh nhưng chưa có nhịp tích lũy đủ để xảy ra áp lực điều chỉnh trở lại.
 - Chỉ báo RSI chạm ngưỡng quá mua, khả năng sẽ cần hạ nhiệt để củng cố lại động lượng đi lên.
- ➔ Xu hướng điều chỉnh có thể xảy ra nhằm củng cố lại đà.
- ➔ Khuyến nghị Chốt lời quanh giá hiện tại hoặc tận dụng nhịp tăng rớt trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủ ro giảm	Ghi chú
1	TRC	Chốt lời	03/11/2025	78.0	71.0	9.9%	80.0	12.7%	67	-5.6%	Chạm vùng mục tiêu

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủ ro giảm	Ghi chú
1	NTP	Mua	17/10/2025	-	64.00	65.1	-1.7%	72.0	10.6%	61.0	-6.3%	
2	BMI	Mua	29/10/2025	-	19.65	19.6	0.3%	22.0	12.2%	18.5	-5.6%	
3	FRT	Mua	30/10/2025	-	148.40	145.00	2.3%	162.0	11.7%	137.0	-5.5%	
4	CTR	Mua	30/10/2025	-	92.00	91.8	0.2%	102.0	11.1%	85.0	-7.4%	
5	GMD	Mua	31/10/2025	-	68.10	70.50	-3.4%	80.0	13.5%	65.0	-7.8%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1892, giảm 35 điểm (-1.8%). Thanh khoản tăng và trên mức bình quân 20 phiên. Áp lực điều chỉnh chiếm ưu thế trong phần lớn thời gian giao dịch, dù giá có nỗ lực phục hồi trong phiên chiều nhưng phần thắng vẫn nghiêng về phe cung.
- Ở đồ thị 15p**, chỉ báo MACD đã cắt xuống đường tín hiệu và vận động dưới miền âm, trong khi RSI cũng giảm về dưới mức trung bình 50, hàm ý áp lực điều chỉnh đang chi phối. Dù vậy, giá đã hạ nhiệt về khu vực hỗ trợ quanh 1885 – 1890 nên sẽ có lực cầu nâng đỡ. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1885, trong khi chiều Long có thể cân nhắc khi giá bứt phá trên ngưỡng 1905. Lưu ý khả năng có biến động mạnh.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1815, giảm 25.6 điểm (-1.4%). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 387 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1800, trong khi kháng cự trong chiều hồi phục là ngưỡng 1825 - 1830.

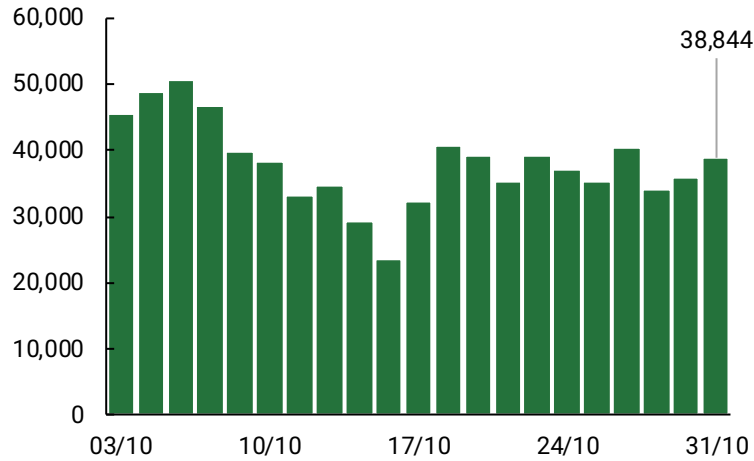
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Short	< 1.885	1.870	1.895	15 : 10
Long	> 1.905	1.920	1.897	15 : 08
Long	> 1.925	1.940	1.915	15 : 10

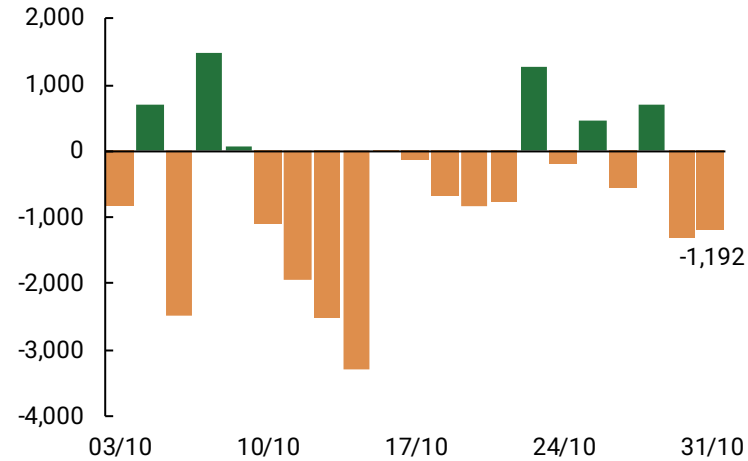
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111G6000	1,888.4	-35.4	29	115	1,897.3	-8.9	18/06/2026	230
4111G3000	1,882.0	-38.0	66	288	1,892.6	-10.6	19/03/2026	139
VN30F2512	1,886.0	-35.3	714	3,184	1,887.8	-1.8	18/12/2025	48
4111FB000	1,892.0	-35.0	344,533	38,844	1,886.4	5.6	20/11/2025	20
4112FB000	1,815.0	-25.6	407	235	1,799.6	15.4	20/11/2025	20

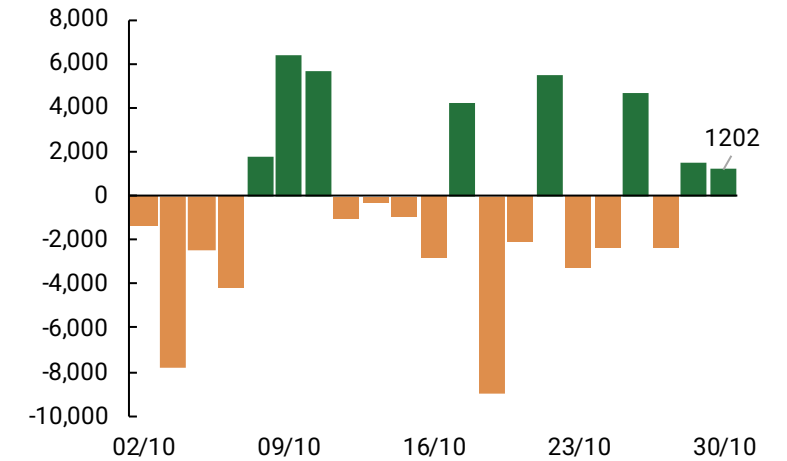
Khối lượng mở (Open interest)



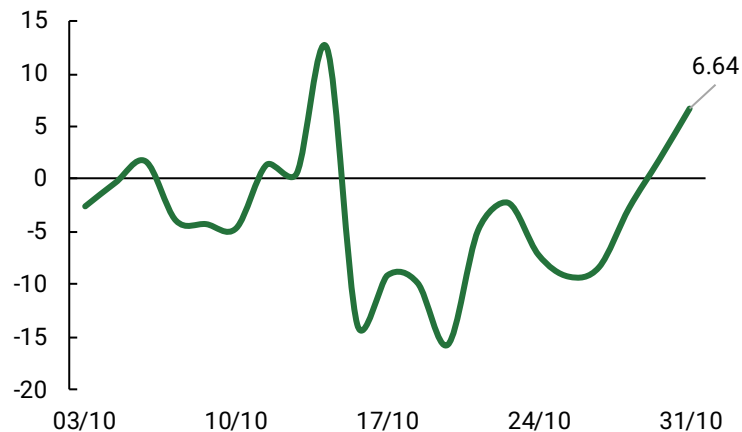
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



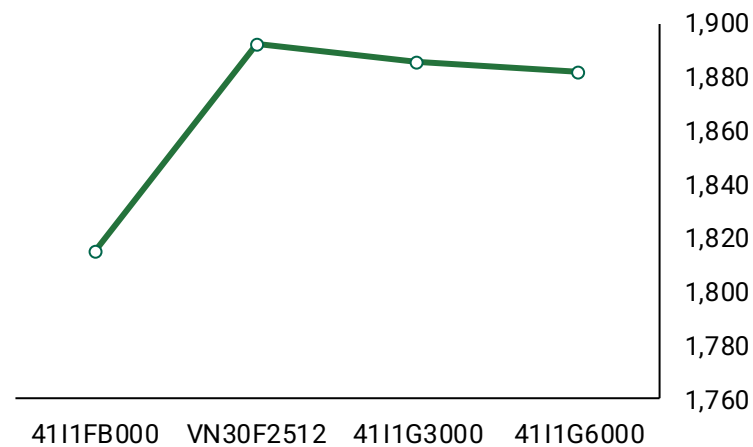
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



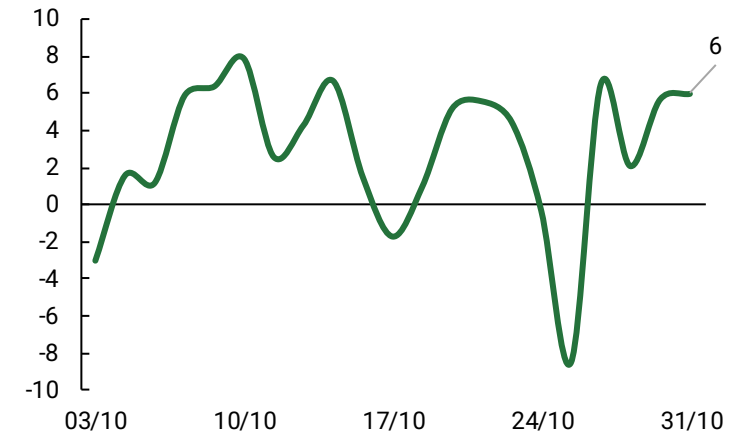
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	75,000	65,400	-12.8%	Bán
BCM	66,000	74,500	12.9%	Tăng tỷ trọng
CTD	103,500	92,400	-10.7%	Bán
CTI	23,450	27,200	16.0%	Tăng tỷ trọng
DBD	52,600	68,000	29.3%	Mua
DDV	31,008	35,500	14.5%	Tăng tỷ trọng
DGC	96,000	102,300	6.6%	Nắm giữ
DGW	39,850	48,000	20.5%	Mua
DPR	39,050	41,500	6.3%	Nắm giữ
DRI	12,129	18,000	48.4%	Mua
EVF	12,750	14,400	12.9%	Tăng tỷ trọng
FRT	148,400	135,800	-8.5%	Giảm tỷ trọng
GMD	68,100	72,700	6.8%	Nắm giữ
HAH	61,400	67,600	10.1%	Tăng tỷ trọng
HDG	30,800	33,800	9.7%	Nắm giữ
HHV	14,800	12,600	-14.9%	Bán
HPG	26,700	12,600	-52.8%	Bán
IMP	50,100	55,000	9.8%	Nắm giữ

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	23,600	22,700	-3.8%	Giảm tỷ trọng
MSH	38,800	47,100	21.4%	Mua
MWG	82,600	92,500	12.0%	Tăng tỷ trọng
NLG	39,750	39,950	0.5%	Nắm giữ
NT2	24,050	27,400	13.9%	Tăng tỷ trọng
PHR	55,900	72,800	30.2%	Mua
PNJ	94,600	95,400	0.8%	Nắm giữ
PVT	17,600	18,900	7.4%	Nắm giữ
SAB	45,850	59,900	30.6%	Mua
TLG	53,500	59,700	11.6%	Tăng tỷ trọng
TCB	35,100	35,650	1.6%	Nắm giữ
TCM	28,800	38,400	33.3%	Mua
TRC	78,000	94,500	21.2%	Mua
VCG	26,050	26,200	37.8%	Mua
VHC	59,000	60,000	6.7%	Nắm giữ
VNM	57,600	66,650	12.7%	Tăng tỷ trọng
VSC	23,200	17,900	18.4%	Tăng tỷ trọng

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

THÔNG TIN VĨ MÔ

Tỷ giá chợ đen lập đỉnh mới: Sáng 31/10, tỷ giá trung tâm do Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 25.093 VND/USD, tăng 2 đồng so với hôm qua. Giá USD tăng nhẹ tại các ngân hàng và vượt 27.700 đồng/USD trên thị trường tự do, đây là vùng giá cao nhất nhiều tuần, trong bối cảnh đồng bạc xanh đang mạnh lên trên toàn cầu.

Thượng viện Mỹ thông qua nghị quyết chấm dứt các mức thuế quan toàn cầu: Theo TTXVN, Thượng viện Mỹ ngày 30/10 đã thông qua một nghị quyết lưỡng đảng nhằm bãi bỏ các mức thuế quan toàn cầu do Tổng thống Trump áp đặt. Dù được xem là chiến thắng mang tính biểu tượng cho những người chỉ trích chính sách thương mại của ông Trump, nghị quyết khó có hiệu lực thực tế vì Chủ tịch Hạ viện Mike Johnson (đảng Cộng hòa) gần như chắc chắn sẽ không đưa ra bỏ phiếu, và ông Trump sẽ phủ quyết nếu được thông qua.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

VCG - Vinaconex báo lãi ròng quý 3 tăng đột biến hơn 2.000% lên 3.300 tỷ đồng: Công ty ghi nhận doanh thu thuần quý 3/2025 đạt 4,429 tỷ đồng, tăng 65%. Lợi nhuận gộp tăng 56%, đạt 611 tỷ đồng. Doanh thu tài chính bật mạnh gấp 78 lần lên 3,186 tỷ đồng nhờ chuyển nhượng 107,1 triệu cổ phiếu VCR, khiến lợi nhuận ròng tăng đột biến hơn 2,000%, đạt 3,304 tỷ đồng. Lũy kế 9 tháng, doanh thu thuần đạt 11,413 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế tăng 5 lần so cùng kỳ. Tổng tài sản giảm nhẹ 1%, nợ phải trả giảm 9%.

CII - Lãi quý III giảm 36% do mảng bất động sản, xây dựng đi xuống: Công ty ghi nhận doanh thu thuần quý III đạt 714 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ, nhưng lợi nhuận sau thuế chỉ còn 56 tỷ đồng, giảm 36%. Chi phí bán hàng và quản lý tăng 7%, trong khi chi phí tài chính giảm 13%. Lợi nhuận giảm do hoạt động bất động sản, xây dựng và duy tu suy giảm, dù mảng thu phí giao thông ổn định. Lũy kế 9 tháng, doanh thu đạt 2,141 tỷ đồng (tăng 6%), lợi nhuận 241 tỷ đồng (giảm 55%). Công ty hoàn thành 55% kế hoạch doanh thu và 72% lợi nhuận năm 2025 với mục tiêu giảm so với 2024. Tổng tài sản tăng nhẹ lên 37,943 tỷ đồng.

VNM – Tổng doanh thu hợp nhất Vinamilk quý 3 tiến sát cột mốc 17 nghìn tỷ đồng: Công ty đạt tổng doanh thu hợp nhất quý 3 gần 17,000 tỷ đồng, tăng trưởng nhờ mở rộng độ phủ cửa hàng, sản phẩm mới và chuyển đổi số. Doanh thu nội địa tăng 4.4% đạt 13,494 tỷ đồng, đóng góp gần 80%. Doanh thu quốc tế tăng mạnh 32.6% lên 3,459 tỷ đồng với thị trường châu Á và châu Phi bứt phá. Lợi nhuận trước thuế quý 3 đạt 3,126 tỷ đồng (+6.2%). Doanh nghiệp ứng dụng AI, tiết kiệm 3 triệu USD chi phí vận hành, đồng bộ nhận diện thương hiệu và đẩy mạnh thương mại điện tử. Vinamilk lọt Top 5% thương hiệu mạnh toàn cầu, khẳng định vị thế và tiềm năng phát triển bền vững.

CTD - Coteccons báo lãi quý cao nhất 7 năm: Công ty công bố quý I niên độ 2026 (tương đương quý III/2025) với doanh thu 7,451 tỷ đồng, tăng 57% cùng kỳ; lợi nhuận gộp 322 tỷ đồng, biên lợi nhuận 4,3%. Lợi nhuận sau thuế gần 295 tỷ đồng, gấp hơn 3 lần quý 1/2024, mức cao nhất 7 năm. Hợp đồng ký mới trong năm tài chính 2025 đạt 29.100 tỷ đồng, tỷ lệ khách hàng tái ký là 75,8%. Công ty đẩy mạnh mảng hạ tầng với nhiều dự án lớn như APEC Phú Quốc, sân bay Long Thành. Tính đến cuối kỳ này, tổng tài sản của Coteccons vào khoảng 31.178 tỷ đồng, với khoảng 4.951 tỷ đồng tiền gửi ngân hàng.

- 01/10 Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI
- 03/10 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
- 06/10 Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế VN Quý III và 9 tháng
- 07/10 Việt Nam - FTSE Russell công bố phân loại thị trường
- 15/10 Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
- 16/10 Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI)
Việt Nam - Đáo hạn phái sinh
- 20/10 Việt Nam - Công bố danh mục cổ phiếu thành phần thuộc chỉ số Diamond
Trung Quốc - Lãi suất cho vay cơ bản
- 30/10 Mỹ - FED công bố lãi suất điều hành
EU - ECB công bố lãi suất
Nhật Bản – BoJ công bố lãi suất
- 31/10 Việt Nam - Công bố sơ bộ GDP
Việt Nam - Các quỹ ETF Diamond cơ cấu chỉ số

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415